

Số: 3368 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ  
lĩnh vực tài nguyên nước trong tỉnh Khánh Hòa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 3961/QĐ-BTNMT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực tài nguyên nước trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 445/TTr-STNMT ngày 18/12/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực tài nguyên nước trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành

phổ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, PT, HL, NT. *SL*



**CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Tấn Tuân*  
**Nguyễn Tấn Tuân**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC  
TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA UBND TỈNH KHÁNH HÒA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 25/12/2024  
của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>TT</b>	<b>Thủ tục hành chính</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
1	Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
2	Lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
3	Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc Điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
4	Phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
5	Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
6	Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
7	Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
8	Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
9	Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
10	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
11	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
12	Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)

	thuộc trung ương		
13	Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
14	Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
15	Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Tài nguyên nước	UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **1. Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh**

#### *a) Trình tự thực hiện:*

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác định, điều chỉnh phân vùng chức năng đối với các nguồn nước mặt nội tỉnh, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả phân vùng chức năng nguồn nước, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.

- Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày phê duyệt, điều chỉnh phân vùng chức năng nguồn nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền công bố, đăng tải quyết định phê duyệt, điều chỉnh phân vùng chức năng nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*b) Cách thức thực hiện:* Không quy định.

*c) Thành phần, số lượng hồ sơ:* Không quy định.

*d) Thời gian thực hiện:* 94 ngày làm việc.

*đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

*e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt/điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh.

*h) Phí, lệ phí (nếu có):* Không quy định.

*i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không quy định.

*k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không quy định.

*l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

### **2. Lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước**

#### *a) Trình tự thực hiện:*

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành có liên quan về Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.

- Bước 5: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên công thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) *Cách thức thực hiện:* Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:*

- Tờ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) *Thời gian thực hiện:* 95 ngày làm việc.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h) *Phí, lệ phí (nếu có):* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

### **3. Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước**

#### *a) Trình tự thực hiện*

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đánh giá lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn cần điều chỉnh hoặc các nguồn nước phải điều chỉnh phạm vi hành lang, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về việc điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.

- Bước 5: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

*b) Cách thức thực hiện:* Không quy định.

*c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt*

- Tờ trình điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

- Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

*d) Thời gian thực hiện:* 95 ngày làm việc.

*đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

*e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

#### **4. Phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh**

a) *Trình tự thực hiện*

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) đề cho ý kiến, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.

- Bước 6: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

- Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;

- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) *Thời gian thực hiện*: 114 ngày làm việc.

*đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường *e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

*h) Phí, lệ phí (nếu có):* Không quy định.

*i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không quy định.

*k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không quy định.

*l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

## **5. Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh**

*a) Trình tự thực hiện*

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, rà soát, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu điều chỉnh trên các sông, suối nội tỉnh theo định kỳ (05 năm) hoặc khi có sự điều chỉnh nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong các quy hoạch; có dự án, công trình khai thác nước mới được hình thành làm thay đổi lớn đến chế độ dòng chảy trên sông, suối; có sự biến động về điều kiện tự nhiên tác động lớn đến nguồn nước, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về hồ sơ điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) để cho ý kiến, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt quyết định điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.

- Bước 6: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, đăng tải quyết định phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*b) Cách thức thực hiện:* Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh;
- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;
- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: 114 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

## **6. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình khai thác tổ chức xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên cơ sở đề xuất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của tổ chức, cá nhân và hiện trạng sử dụng đất, thời hạn thực hiện trong 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình (trong thời hạn 42 ngày kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình, thời hạn thực hiện trong 10 ngày.

- Bước 4: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa phương và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.
- d) Thời gian trình, phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình: 42 ngày (kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
  - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

## **7. Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.
- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.
- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.
- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.
- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.
- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: 107 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải phù hợp với quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; phải phù hợp với phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh.

- Xác định được phạm vi các khu vực, tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và nguyên nhân gây ra; phương án tổ chức thực hiện các giải pháp khoanh định hoặc đưa ra khỏi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án khai thác nước dưới đất; khu vực cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giải pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước dưới đất. Ưu tiên bảo vệ, phục hồi các tầng chứa nước khai thác chính, các tầng chứa nước được khai thác để cấp nước sinh hoạt.

- Việc lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải dựa trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước dưới đất của mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất, tại công trình khai thác nước dưới đất và các thông tin, số liệu có liên quan khác từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (nếu có).

Trường hợp thông tin, số liệu chưa đảm bảo làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc bổ sung công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất để phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải đồng bộ, phù hợp với nguồn lực, giải pháp thực hiện; bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong triển khai thực hiện.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

## **8. Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất**

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả rà soát và kiến nghị điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh (nếu có) theo định kỳ (05 năm) hoặc trong trường hợp cần thiết, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về dự thảo điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*: Không quy định.

d) *Thời gian thực hiện*: 107 ngày làm việc.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*:

- Có sự điều chỉnh của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh hoặc phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh làm thay đổi cơ bản về định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất;

- Có biến động lớn về nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh do ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, nhân tạo.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

## **9. Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất**

a) *Trình tự thực hiện*

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị liên quan, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc, bao gồm:

+ Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Đại diện cộng đồng dân cư có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong phương án.

Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 3: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định với sự tham gia của các sở, ban, ngành có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học về tài nguyên nước, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 6: Trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 8: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.

- Bước 9: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, điều chỉnh Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức

thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt*:

- Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt, điều chỉnh;

Tờ trình phải bao gồm các nội dung chính sau đây: quá trình tổ chức thực hiện; thuyết minh về căn cứ, kết quả khoan định; thuyết minh phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng khu vực, từng công trình nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;

- Dự thảo Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Báo cáo thuyết minh kết quả khoan định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất. Báo cáo thuyết minh phải luận chứng, thuyết minh rõ về căn cứ để khoan định, phạm vi khoan định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) *Thời gian thực hiện*: 180 ngày làm việc.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt/điều chỉnh Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

## **10. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

### *a) Trình tự thực hiện*

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xác định danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan, tổ chức lưu vực sông, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên các lưu vực sông thuộc phạm vi tỉnh, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.

*b) Cách thức thực hiện:* Không quy định.

*c) Thành phần, số lượng hồ sơ:* Không quy định.

*d) Thời gian thực hiện:* 80 ngày làm việc.

*đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

*e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

*h) Phí, lệ phí (nếu có):* Không quy định.

*i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không quy định.

*k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không quy định.

*l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

## **11. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên**

### *a) Trình tự thực hiện*

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì lập Danh mục đập, hồ chứa trên sông,

suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xác định danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức lưu vực sông, và tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*: Không quy định.

d) *Thời gian thực hiện*: 100 ngày làm việc.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Sở Tài nguyên và Môi trường ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

**12. Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

*a) Trình tự thực hiện*

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, tổ chức, cá nhân quản lý vận hành đập, hồ chứa và các đơn vị liên quan thực hiện xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo quy chế phối hợp vận hành, thời hạn thực hiện trong 25 ngày làm việc.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối theo ý kiến góp ý và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi tỉnh, thời hạn thực hiện trong 15 ngày làm việc.

*b) Cách thức thực hiện:* Không quy định.

*c) Thành phần, số lượng hồ sơ:* Không quy định.

*d) Thời gian thực hiện:* 90 ngày làm việc.

*đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối.

*h) Phí, lệ phí (nếu có):* Không quy định.

*i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không quy định.

*k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không quy định.

*l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

**13. Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên**

*a) Trình tự thực hiện:*

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, các cơ quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường về dự thảo quy chế phối hợp vận hành, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành theo ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*: Không quy định.

d) *Thời gian thực hiện*: 120 ngày làm việc.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Sở Tài nguyên và Môi trường ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

#### **14. Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp**

a) *Trình tự thực hiện*

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về hồ sơ xây dựng Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp. Hồ sơ gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Hồ sơ trình, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 5: Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 6: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.

- Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) *Cách thức thực hiện:* Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:*

- Tờ trình phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;  
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;

- Các tài liệu khác liên quan.

d) *Thời gian thực hiện:* 135 ngày làm việc.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

## **15. Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp**

a) *Trình tự thực hiện*

- Bước 1: Định kỳ (05 năm một lần) hoặc trong trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, cập nhật danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh bổ sung vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã phê duyệt, thời hạn thực hiện trong 30 ngày làm việc.

Riêng đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục: trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp đã phê duyệt.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và hoàn thiện hồ sơ, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 5: Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh, thời hạn thực hiện trong 20 ngày làm việc.

- Bước 6: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh, thời hạn thực hiện trong 10 ngày làm việc.

- Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định điều chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh đã được điều chỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt*

- Tờ trình điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (*đối với trường hợp điều chỉnh bổ sung vào danh mục*) hoặc Báo cáo thuyết minh lý do việc đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (*đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục*);

- Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;

- Các tài liệu khác liên quan.

d) *Thời gian thực hiện*: 135 ngày làm việc.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước./.